

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 08-2023

V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Vân

2. Ông Cao Văn Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1994; xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990; xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 15/5/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết. Khi mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị đã về nhà đẻ, sống ly thân với anh T

hơn 05 năm nay. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Hoàng Thanh T, sinh ngày 14/2/2018. Hiện con đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có quan điểm xin nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị .

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị, bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị L đã khai. Sau khi kết hôn vài tháng, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do tình cảm không còn, nên hai bên đã sống ly thân từ khoảng 5 năm nay, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay chị L làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị L có 01 con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 14/2/2018. Hiện nay cháu Trúc đang sinh sống cùng chị L. Khi ly hôn anh nhất trí với nguyện vọng của chị L, giao cháu Trúc cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh xác định anh và chị L không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai gia đình chị L, anh T, thể hiện: Chị L, anh T được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không hòa hợp với nhau trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Nay chị L xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương và gia đình đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, đề nghị xử chị L ly hôn với anh T. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, anh T, giao cho

cháu Hoàng Thanh T cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn không đề nghị hòa giải, xin vắng mặt tại phiên họp hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L, anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, ý kiến của anh T, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, chị L anh T sống hạnh phúc khoảng vài tháng thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình. Thực tế vợ chồng đã ly thân khoảng 05 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chị L không còn tình cảm xin ly hôn anh T, anh T nhất trí ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L, anh T ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung là Hoàng Thanh T, sinh ngày 14/2/2018. Xét đề nghị, nguyện vọng của chị L, anh T và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, chấp nhận đề nghị của chị L giao cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 14/2/2018 cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị L không yêu cầu.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Chị L, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thị L ly hôn anh Hoàng Văn T.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Thanh T, sinh ngày 14/2/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003512 ngày 20/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng